

# VIETNAM DAILY

**[Điểm nhấn thị trường]**  
 TTCK giao dịch khởi sắc

**[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]**  
 Các HĐTL đóng cửa tăng mạnh

**[Cổ phiếu tác động đến thị trường]**  
 HVN, SAB, ACB

**[Vĩ mô/Chiến lược]**  
 Sản xuất công nghiệp tháng 5/2020

**[Cập nhật ngành/công ty]**  
 VPB, ACB  
 Ngành Thủy sản, Ngành Bán lẻ

**[Quan điểm đầu tư]**  
 Tránh mua đuổi và có thể trải lệnh bán giảm tỷ trọng ngắn hạn khi chỉ số tiến lên vùng kháng cự

01/06/2020

|                          | Chỉ số   | Thay đổi<br>(%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex                  | 878.67   | +1.64               |
| VN30                     | 821.47   | +1.89               |
| HĐTL VN30F1M             | 811.00   | +3.31               |
| HNXIndex                 | 114.14   | +3.94               |
| HNX30                    | 222.77   | +2.85               |
| UPCoM                    | 55.59    | +1.02               |
| USD/VND                  | 23,265   | -0.07               |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 3.06     | -4                  |
| Lãi suất qua đêm (%)     | 0.51     | +21                 |
| Dầu (WTI, \$)            | 35.45    | -0.11               |
| Vàng (LME, \$)           | 1,736.96 | +0.39               |



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 878.67 (+1.64%)  
**KLGD (triệu CP)** 418.3 (+48.5%)  
**GTGD (triệu US\$)** 316.1 (+50.3%)

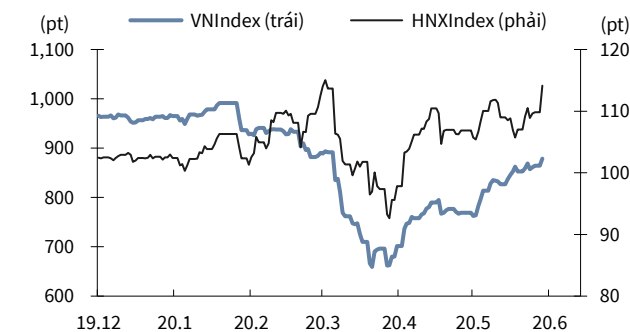
**HNXIndex** 114.14 (+3.94%)  
**KLGD (triệu CP)** 86.5 (+53.0%)  
**GTGD (triệu US\$)** 35.2 (+93.1%)

**UPCoM** 55.59 (+1.02%)  
**KLGD (triệu CP)** 27.1 (+2.0%)  
**GTGD (triệu US\$)** 12.3 (+21.1%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +1.5

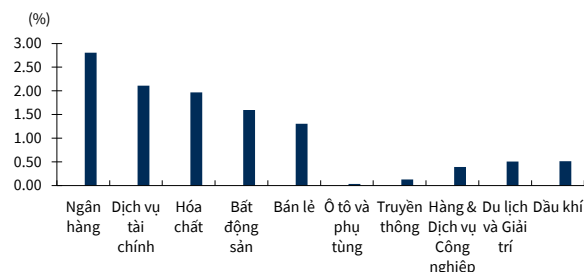
Thông tin PMI Việt Nam trong tháng 5 tăng lên 42.7 điểm, từ mức thấp 32.7 điểm của tháng 4, đã giúp TTCK giao dịch khởi sắc trong phiên hôm nay. Mặc dù chỉ số PMI vẫn đang ở ngưỡng dưới 50 điểm, tuy nhiên với việc tăng mạnh so với tháng 4 và cũng là tháng tăng đầu tiên kể từ đầu năm, mức điểm PMI này cho thấy các nhà quản trị đã có cái nhìn lạc quan hơn về triển vọng ngành sản xuất. Phản ứng trước thông tin trên, nhóm ngành sản xuất đồng loạt tăng giá như ngành thép HPG (+0.9%), HSG (+1.3%); ngành nhựa NTP (+2.0%), AAA (1.6%). Nhóm cổ phiếu ngân hàng cũng có phiên giao dịch khởi sắc và dẫn dắt chính của thị trường ở CTG (+4.4%), VPB (+5.1%), BID (+3.4%), VCB (+1.5%), khi nhà đầu tư gia tăng niềm tin vào đà phục hồi của nền kinh tế. Với việc Hiệp hội Bất động sản TP.HCM (HoREA) đề xuất không siết hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp BĐS phục hồi sau Covid 19, các cổ phiếu BĐS đồng loạt tăng mạnh ở VHM (+3.3%), NVL (+2.4%), LDG (+5.8%). Với việc giá dầu tăng mạnh trong phiên thứ 6 tuần trước, cổ phiếu ngành dầu khí giao dịch tích cực hơn so với thị trường chung ở GAS (+1.2%), PVD (+2.8%), PVS (+1.6%). Nhà đầu tư nước ngoài ghi nhận phiên mua ròng trên HSX, tập trung ở các cổ phiếu VNM (+0.9%), VHM (+3.3%), HPG (+0.9%).

## VNIndex & HNXIndex



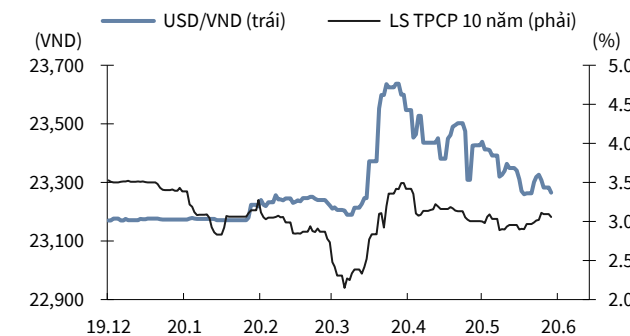
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



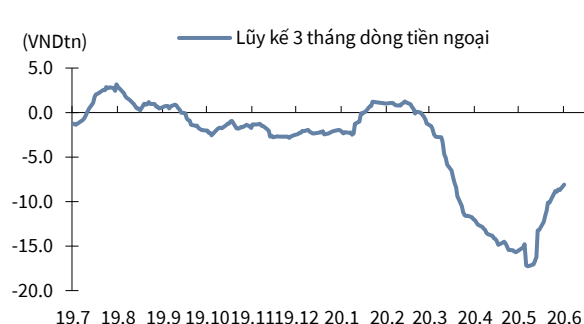
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

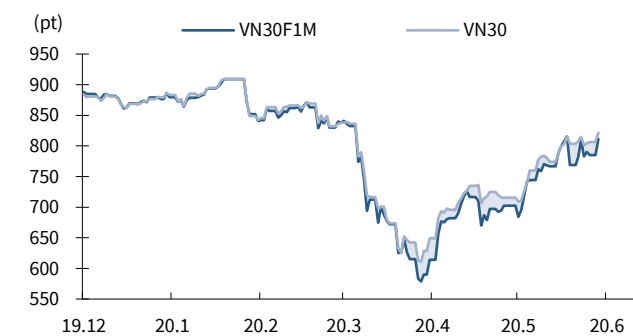
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

|                  |                        |
|------------------|------------------------|
| <b>VN30</b>      | <b>821.47 (+1.89%)</b> |
| <b>VN30F1M</b>   | <b>811.0 (+3.31%)</b>  |
| <b>Mở cửa</b>    | <b>794.9</b>           |
| <b>Cao nhất</b>  | <b>812.0</b>           |
| <b>Thấp nhất</b> | <b>793.5</b>           |

HĐTL đóng cửa tăng mạnh và diễn biến nổi trội hơn so với VN30 khi các số liệu kinh tế tác động tích cực mạnh mẽ tới tâm lý NĐT. Độ lệch âm đã thu hẹp xuống mức -10.47. NĐTNN mua hợp đồng tháng 6 vào phiên sáng nhưng đã thực hiện chốt lời ở phiên chiều khiến diễn biến giao dịch cả phiên ở trạng thái bán ròng. Thanh khoản thị trường tiếp tục ở mức thấp.

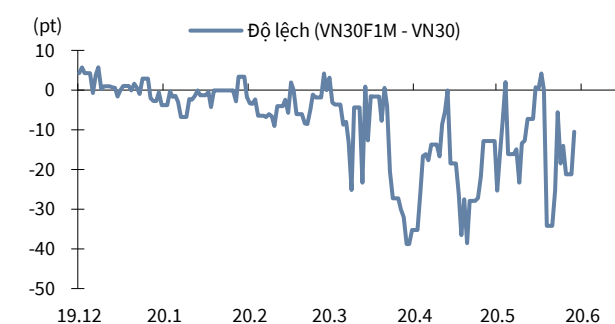
**KLGD (HĐ)**      **148,644 (-20.2%)**

**HĐTL VN30F1M & VN30**



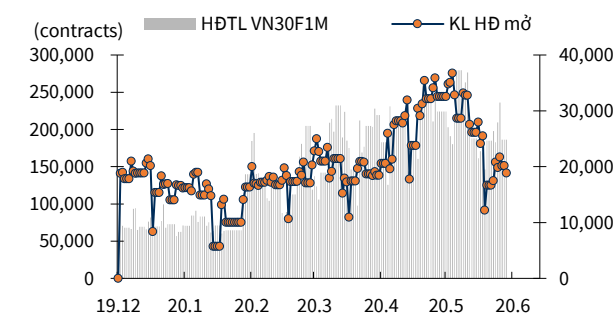
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30**



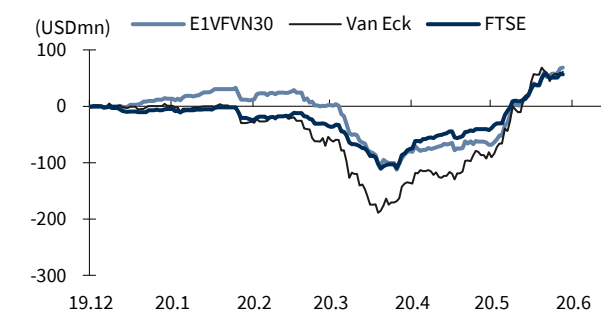
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

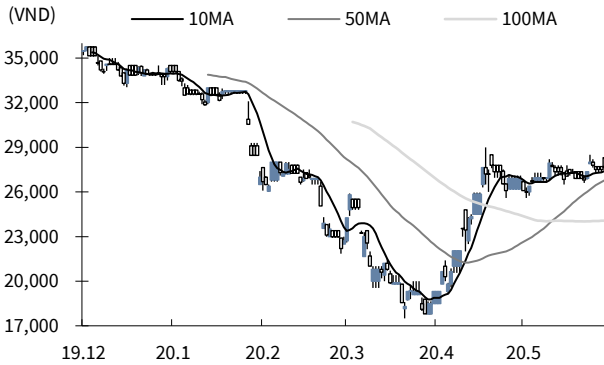
**Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

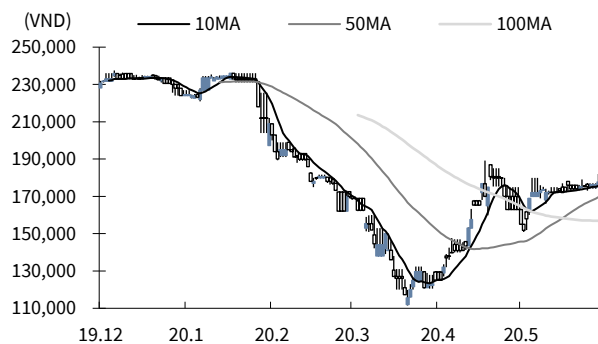
## Vietnam Airlines (HAV)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HAV đóng cửa tăng 0.7% lên 27,700 VNĐ/cp.
- HAV cho biết hãng đã chính thức khôi phục lại hoàn toàn số chuyến bay nội địa, trở về mức tương đương với giai đoạn cùng kỳ 2019. Hàng hàng không này cũng cho biết, kể từ khi kết thúc giãn cách xã hội từ 23/4 cho đến nay, hãng đã vận chuyển hơn nửa triệu hành khách bay nội địa, cho thấy sự phục hồi nhanh chóng của số lượng khách đi máy bay, khi mà tâm lý lo ngại dịch bệnh đã giảm đáng kể. Đối với các đường bay quốc tế, HAV đã chuẩn bị sẵn sàng về hạ tầng kỹ thuật để kết nối lại các đường bay ngay khi Chính phủ cho phép.

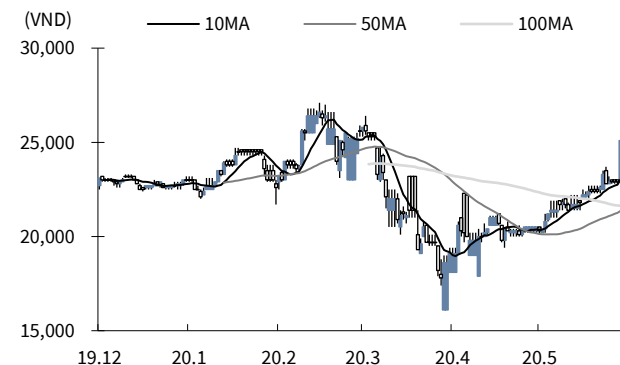
## Sabeco (SAB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SAB đóng cửa tăng 0.7% lên 177,700 VNĐ/cp.
- Thaibev, công ty mẹ đang sở hữu 53.6% ở SAB mới đây đưa ra tuyên bố chính thức đính chính lại tin đồn công ty này đang tìm người mua lại cổ phần của mình tại SAB. Trong thông báo, Thaibev cũng thể hiện niềm tin vào tiềm năng của SAB và coi Việt Nam là một trong những thị trường cốt lõi để mở rộng hoạt động đầu tư.
- Thaibev là công ty con của tập đoàn TCC đến từ Thái Lan, đã thực hiện việc mua lại 53.6% SAB vào cuối năm 2017 với giá 320,000 VNĐ/cp. Mới đây Financial Times đưa tin Thaibev đang tìm cách bán lại SAB cho Budweiser.

## Ngân hàng Á Châu (ACB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- ACB đóng cửa tăng 9.6% lên 25,100 VNĐ/cp.
- ACB trình cổ đông chuyển niêm yết cổ phiếu sang Sở giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE). Thời gian chuyển sàn sẽ được ủy quyền cho HĐQT quyết định.
- Ngân hàng đặt kế hoạch mục tiêu lợi nhuận trước thuế khoảng 7,636 tỷ đồng (+1.6% YoY), tổng tài sản tăng 12%, tỷ lệ nợ xấu mục tiêu kiểm soát dưới 2%.
- Kế hoạch tăng vốn điều lệ bao gồm tier 1 tăng 4,988 tỷ đồng lên 21,615 tỷ đồng thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 30% và tier 2 thông qua phát hành trái phiếu quốc tế.

# Sản xuất công nghiệp tháng 5

## Tiếp tục chịu ảnh hưởng từ Covid-19

**Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) và PMI của Việt Nam trong tháng 5 tuy có khởi sắc so với tháng trước nhưng triển vọng vẫn chưa tích cực**

- Theo Tổng cục thống kê, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tiếp tục giảm trong tháng 5 (-3.1% YoY) mặc dù mức giảm ít hơn nhiều so với tháng 4 (-9.4% YoY) nhờ Covid-19 cơ bản được kiểm soát ở Việt Nam và Chính phủ chuyển trọng tâm sang khôi phục phát triển kinh tế. Trong số các ngành cấp 2, ngoại trừ dệt (+24.3% YoY) và hóa chất (+8.4% YoY), IIP các ngành sản xuất chủ lực để xuất khẩu như trang phục (-7.3% YoY), điện tử (-4.4%), đồ gỗ nội thất (-9.2%) vẫn sụt giảm mạnh.
- Theo IHS Market, PMI tháng 5 tăng lên mức 42.7 điểm từ mức 32.7 điểm trong tháng 4, cho thấy các điều kiện kinh doanh suy giảm nhẹ hơn nhiều so với tháng trước, tuy nhiên mức dưới 50 điểm vẫn thể hiện sức khỏe của lĩnh vực sản xuất chưa được cải thiện. Sản lượng sản xuất, số lượng đơn đặt hàng mới đều tiếp tục xu hướng giảm trong 6 tháng liên tiếp và đặc biệt trong tháng 5, số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới đã giảm nhanh hơn tổng số lượng đơn hàng mới.
- Trong khu vực Châu Á, chỉ số PMI có sự phân hóa rõ rệt trong tháng 5 khi PMI những quốc gia như Việt Nam, Malaysia, Thái Lan đều bật tăng trở lại trong tháng 5, chủ yếu là do lĩnh vực sản xuất bị gián đoạn trong tháng 4 để thực hiện các chính sách giãn cách xã hội trong khi PMI của Hàn Quốc và Đài Loan tiếp tục có xu hướng giảm do nhu cầu suy giảm mạnh. Đây là tín hiệu không mấy tích cực cho chỉ số PMI của Việt Nam trong tháng 6 nếu nhìn ở góc độ hoạt động của nhóm doanh nghiệp FDI và nhóm sản xuất hàng xuất khẩu.

# Thủy sản Việt Nam

## Kỳ vọng xuất khẩu tháng 6 phục hồi

### Xuất khẩu tháng 5 giảm nhẹ; Trung Quốc tiếp tục hồi phục & Nhật Bản duy trì vị trí số 1

— Theo Tổng cục Hải quan, giá trị xuất khẩu thủy sản trong tháng 5 đạt 751 triệu USD, giảm nhẹ 1.6%, đưa tổng xuất khẩu thủy sản 5 tháng đầu năm lên gần 3 tỷ USD (-6.4% YoY). Với đà phục hồi này, giá trị xuất khẩu thủy sản hàng tháng rất có thể sẽ tăng trưởng dương YoY vào tháng sau và giá trị xuất khẩu lũy kế tính tới các tháng nửa cuối năm 2020 sẽ tăng so với cùng kỳ năm trước. Kết quả khả quan trong tháng 5 này chủ yếu là nhờ thị trường Trung Quốc đang trên đà khôi phục và Nhật Bản tiếp tục đẩy mạnh nhập khẩu cá ngừ và tôm, bù đắp đáng kể cho sự sụt giảm tại các thị trường Mỹ và châu Âu do dịch COVID-19. Thủy sản xuất khẩu sang Trung Quốc và Hồng Kông tăng mạnh 20% YoY trong tháng 5 và 35.5% trong tháng 4 sau khi được mở cửa trở lại từ tháng 3. Nhật Bản tiếp tục là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam kể từ đầu năm với mức tăng trưởng dương 9% YoY trong tháng 5, chủ yếu tăng mạnh nhập khẩu tôm và cá ngừ. Xuất khẩu sang EU và Anh đạt 100 triệu USD trong tháng 5, giảm 13% YoY nhưng dự báo sẽ hồi phục dần trong những tháng tới do thị trường EU đã bắt đầu mở cửa thông thương trở lại từ tháng rồi. Tuy vậy, tình hình dịch bệnh vẫn còn kéo dài ở Mỹ được dự báo sẽ tiếp tục ảnh hưởng xấu lên xuất khẩu thủy sản của Việt Nam.

### Xuất khẩu tôm duy trì tăng trưởng dương từ tháng 2

— Tình trạng phong tỏa kéo dài tại Ấn Độ đã góp phần duy trì đà tăng trưởng của tôm Việt Nam, với giá trị xuất khẩu đạt 316 triệu USD trong tháng 5 (+6% YoY) và lũy kế 5 tháng đầu năm 2020 đạt 1,189 triệu USD (+3.7% YoY). Ấn Độ kéo dài lệnh phong tỏa từ 23/3 đến hết tháng 5 đã làm cho các nhà máy chế biến chỉ có thể hoạt động 50% công suất, buộc khách hàng Mỹ và Nhật Bản quay sang nhập khẩu tôm Việt Nam. Ecuador – đối thủ cạnh tranh chính của tôm Việt Nam – cũng đối mặt với những thách thức tương tự như Ấn Độ khi phải đóng cửa các vùng nuôi tôm do dịch COVID-19 hoành hành. Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) cho rằng đây sẽ là cơ hội đẩy nhanh đà phục hồi của thủy sản Việt Nam trong nửa cuối năm 2020, đặc biệt là sau khi được miễn giảm thuế nhập khẩu tôm vào EU nhờ hiệp định EVFTA bắt đầu có hiệu lực.

### Xuất khẩu cá tra tháng 5 giảm 15% YoY, thu hẹp biên độ giảm nhờ thị trường Trung Quốc

— Xuất khẩu cá tra tháng 5 vẫn giảm 15% YoY, với biên độ nhỏ hơn so với mức giảm 19% YoY trong tháng 4 và 29% YoY trong tháng 3, nhờ thị trường Trung Quốc khôi phục giao thương từ tháng 3. Mặc dù biên độ giảm đã thu hẹp, xuất khẩu cá tra Việt Nam khó có thể thoát khỏi mức tăng trưởng âm trong quý 2 do khách hàng Trung Quốc tăng nhập khẩu chủ yếu với mục đích trữ hàng. Người dân Trung Quốc vẫn còn tâm lý e ngại khi ăn bên ngoài tại các nhà hàng và quán ăn, vốn là kênh tiêu thụ chính của cá tra Việt Nam tại thị trường này.

01/06/2020

Chuyên viên phân tích Ngân hàng Tài chính  
Nguyễn Thị Thu Huyền  
huyenntt@kbsec.com.vn  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)  
Harrison Kim

# VPBank (VPB)

## KH lợi nhuận đi ngang; bán tối đa 49% vốn tại FE Credit

### KH lợi nhuận không có nhiều thay đổi và nỗ lực đạt một nửa kế hoạch trong nửa đầu 2020

— Mục tiêu cho lợi nhuận trước thuế (LNTT) được đề ra trong ĐHCĐ là 10,214 tỷ đồng (giảm 1.1% YoY) và tăng trưởng tín dụng là 12.3% tương đương với 304.744 tỷ đồng cho năm 2020. Các chỉ tiêu khác cụ thể là: 1) tăng trưởng tiền gửi và giấy tờ có giá đạt 10.4% lên 99,728 tỷ đồng; và 2) tỉ lệ nợ xấu tại ngân hàng mẹ được kiểm soát dưới 3%. Tăng trưởng tổng tài sản cũng được đặt ở mức 12.7%, lên 430,132 tỷ đồng. Ban Lãnh đạo cũng thông báo rằng LNTT tính đến hết tháng 5 đã đạt được một nửa so với mục tiêu cả năm, ở mức 5,100 tỷ đồng. LNTT đến hết tháng 6 dự kiến đạt 6,000 tỷ đồng – đồng nghĩa với LNTT trong Quý 2 đạt 3,090 tỷ đồng (tăng 6% QoQ và 21% YoY) – nhưng Ban Lãnh đạo cũng sẽ cố gắng để vượt chỉ tiêu đã đề ra 10% -20%. Hơn nữa, Ban Lãnh đạo cũng khẳng định lợi nhuận Quý 2/2020 sẽ ít bị phụ thuộc vào danh mục trái phiếu nắm giữ hơn so với Quý 1/2020.

### Hầu hết khách hàng SME trở lại hoạt động kinh doanh & thận trọng hơn với FE Credit

— Tăng trưởng tín dụng Tháng 5 chậm lại, ở mức 12% YoY so với mức 21.1% trong Quý 1 khi Ngân hàng thận trọng hơn trong hoạt động cho vay. Các lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bao gồm du lịch, khách sạn và xuất nhập khẩu vẫn đang được theo dõi chặt chẽ; trong khi đó, khoảng 90% lượng khách hàng SME đã quay trở lại hoạt động vào cuối tháng 5 so với con số 70% vào giữa tháng Năm. Khách hàng bán lẻ trong nhóm thu nhập trung bình đến cao (khách hàng chính của VPBank) ít bị ảnh hưởng hơn nhưng Ban Lãnh đạo vẫn thận trọng với nhóm khách hàng tài chính tiêu dùng của mình tại FE Credit. Tăng trưởng tín dụng tại FE Credit sẽ chậm lại, xuống 1% -2% cho tháng 6 khi ngân hàng tạm thời hạn chế mở rộng khách hàng mới, tập trung vào các khách hàng ít rủi ro và thắt chặt quản trị rủi ro.

### Quản lý vốn: Bán tối đa 49% vốn tại FE Credit; FOL giảm xuống 15%; không chia cổ tức bằng tiền mặt

— Đề cập tới việc có thể bán tối đa 49% vốn tại FE Credit (giới hạn quy định cho TCTC) bị ảnh hưởng do COVID-19 nhưng Ban Lãnh đạo vẫn tin tưởng có thể đạt được thỏa thuận trong năm 2020. Việc làm này sẽ làm giảm tỉ lệ thu nhập từ lãi thuần (NIM) của VPB từ mức 9% hiện nay, tuy nhiên lại mở ra cơ hội sử dụng khoản thu được từ việc bán FE Credit để tăng cơ sở vốn ngân hàng, mở rộng quy mô và cho vay đối với khách hàng bán lẻ và doanh nghiệp SME. Các cổ đông cũng chấp thuận giảm tỉ lệ sở hữu nước ngoài xuống 15% từ 23% và ngân hàng sẽ đệ trình kế hoạch này để phê duyệt cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Sau khi được phê duyệt và ngày có hiệu lực được thiết lập, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ chỉ được phép bán cổ phần và mọi giao dịch mua sẽ bị hạn chế cho đến khi quyền sở hữu nước ngoài giảm xuống dưới 15%. Ban lãnh đạo sẽ không trả cổ tức bằng tiền mặt mà thay vào đó sẽ tái đầu tư lợi nhuận giữ lại cho các hoạt động năm 2020. Các cổ đông cũng đã phê duyệt kế hoạch phát hành 17 triệu cổ phiếu quỹ cho cán bộ nhân viên (ESOP) với giá 10,000 đồng.

01/06/2020

Chuyên viên phân tích Ngân hàng Tài chính  
Nguyễn Thị Thu Huyền  
huyenntt@kbsec.com.vn  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)  
Harrison Kim  
harrison.kim@kbfg.com

# Ngân hàng Á Châu (ACB)

## KH lợi nhuận đi ngang; chuyển niêm yết sang HOSE

### Kế hoạch lợi nhuận không có nhiều thay đổi

— Ban Lãnh đạo công bố kế hoạch lợi nhuận cho 2020 khá đạt 7,636 tỷ đồng hoặc giảm nhẹ, 1.6% so với năm 2019 trong tài liệu họp Đại hội cổ đông 2020. Các chỉ số chính khác bao gồm: 1) tăng trưởng tín dụng 11.75% YoY và bằng với chỉ tiêu của của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho Ngân hàng Nhà nước trong đầu năm 2020; 2) tăng trưởng tiền gửi của khách hàng là 12% YoY; 3) tăng trưởng tổng tài sản 12%YoY; và 4) tỉ lệ nợ xấu được kiểm soát dưới 2%. Các cổ đông sẽ họp để phê duyệt các mục tiêu kinh doanh này vào ngày 16 tháng Sáu.

### Đề xuất chuyển niêm yết cổ phiếu sang Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

— ACB cũng sẽ yêu cầu cổ đông chấp thuận thay đổi niêm yết cổ phiếu sang Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Động thái này sẽ mở ra cơ hội để ACB được lọt vào một số chỉ số của HOSE với tỉ trọng đáng kể, bao gồm: VN30 (tỷ trọng khoảng 4%); VNDiamond (tỷ trọng ước tính 10%); VNFIN Select (tỷ trọng ước tính 12%) và VNFIN Lead (tỷ trọng ước tính 12%), sẽ hỗ trợ tăng giá trị thị của cổ phiếu ACB và mang lại lợi ích cho cổ đông. Chi tiết cụ thể về thời gian biểu sẽ được xác định bởi Hội đồng quản trị.

### Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỉ lệ 30% trong năm 2019 và phát hành trái phiếu quốc tế

— Ban Lãnh đạo có kế hoạch tăng vốn điều lệ 4,988 tỷ đồng lên 21,615 tỷ đồng với tỉ lệ 30% (tức là cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 3 cổ phiếu mới) cho năm 2019. Cổ tức bằng cổ phiếu này sẽ được phát hành cho các cổ đông hiện hữu và dự kiến sẽ hoàn thành trong Quý 4/2020. Hơn nữa, kế hoạch trả cổ tức cho năm 2020 cũng được tiết lộ là cổ tức bằng cổ phiếu với tỉ lệ 18%.

— ACB cũng trình bày kế hoạch phát hành trái phiếu quốc tế kì hạn trung-dài hạn, dự tính tổng khối lượng chiếm 10% tổng số tiền gửi của khách hàng. Trái phiếu sẽ được phát hành để tăng vốn cấp 2 và cải thiện tỷ lệ huy động ngắn cho vay trung và dài hạn của ngân hàng.

# Bán lẻ

## Doanh thu bán lẻ hàng hóa và tiêu dùng tăng 27% MoM trong tháng 5

### Tổng doanh số của hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng có dấu hiệu phục hồi trong tháng Năm

— Doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 5 tăng 27% MoM và giảm 5% YoY theo dữ liệu từ Tổng cục Thống kê. Tháng 5 là tháng đầu tiên sau giãn cách xã hội, cùng với kỳ nghỉ lễ 30/4-1/5 nên hoạt động mua bán hàng hóa, tiêu dùng của người dân có dấu hiệu tăng trở lại. Dịch vụ lữ hành tăng mạnh nhất với mức tăng 9 lần so với tháng 4, đạt 450 tỷ đồng, tuy vẫn giảm 88% so với cùng kỳ năm ngoái. Bán lẻ hàng hóa là ngành hàng duy nhất tăng trưởng dương 2% YoY đạt 311 nghìn tỷ đồng. Tính chung 5 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giảm 4% YoY đạt 1,914 nghìn tỷ đồng. Một điểm sáng là doanh số bán lẻ hàng hóa tăng nhẹ 1% lên 1,547 nghìn tỷ đồng trong năm tháng đầu năm khi siêu thị và trung tâm thương mại đảm bảo cung ứng đầy đủ hàng hóa thiết yếu, không có biến động về giá hàng hóa, đồng thời khách hàng chuyển sang nền tảng thương mại điện tử (TMĐT) để mua hàng.

### Hai gã khổng lồ TMĐT Việt Nam *Tiki* và *Sendo* đã đạt được thỏa thuận sáp nhập

— *Tiki* (được hỗ trợ bởi JD.com) và *Sendo* (được hỗ trợ bởi Softbank Ventures Asia) đã đạt được thỏa thuận hợp tác kinh doanh theo *DealStreetAsia* với việc kết hợp chiến lược tập trung vào khu vực nông thôn của *Sendo* và thế mạnh của *Tiki* với thị trường thành thị. Thương vụ sáp nhập này sẽ làm rung chuyển thị trường TMĐT vốn có mức độ cạnh tranh cao với *Tiki* xếp thứ 2 về lượt truy cập web/tháng và lượt tải ứng dụng di động, trong khi đó *Sendo* xếp thứ 4 về lượt truy cập web/tháng và lượt tải ứng dụng di động. *Lazada* (được hỗ trợ bởi Alibaba) và *Shopee* (được hỗ trợ bởi tập đoàn công nghệ khổng lồ của Singapore SEA Group) cùng với 2 công ty trên tạo nên top 4 công ty TMĐT hàng đầu tại Việt Nam. Sự kết hợp này có thể sẽ giúp cả hai công ty đảm bảo việc dẫn đầu thị trường TMĐT trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt và hỗ trợ huy động vốn trong tương lai khi liên tục báo lỗ trong những năm qua. Báo cáo *e-Conomy Southeast Asia 2019* của Google, Temasek Holdings và Bain & Company ước tính thị trường TMĐT Việt Nam sẽ tăng lên 23 tỷ USD vào năm 2025E.

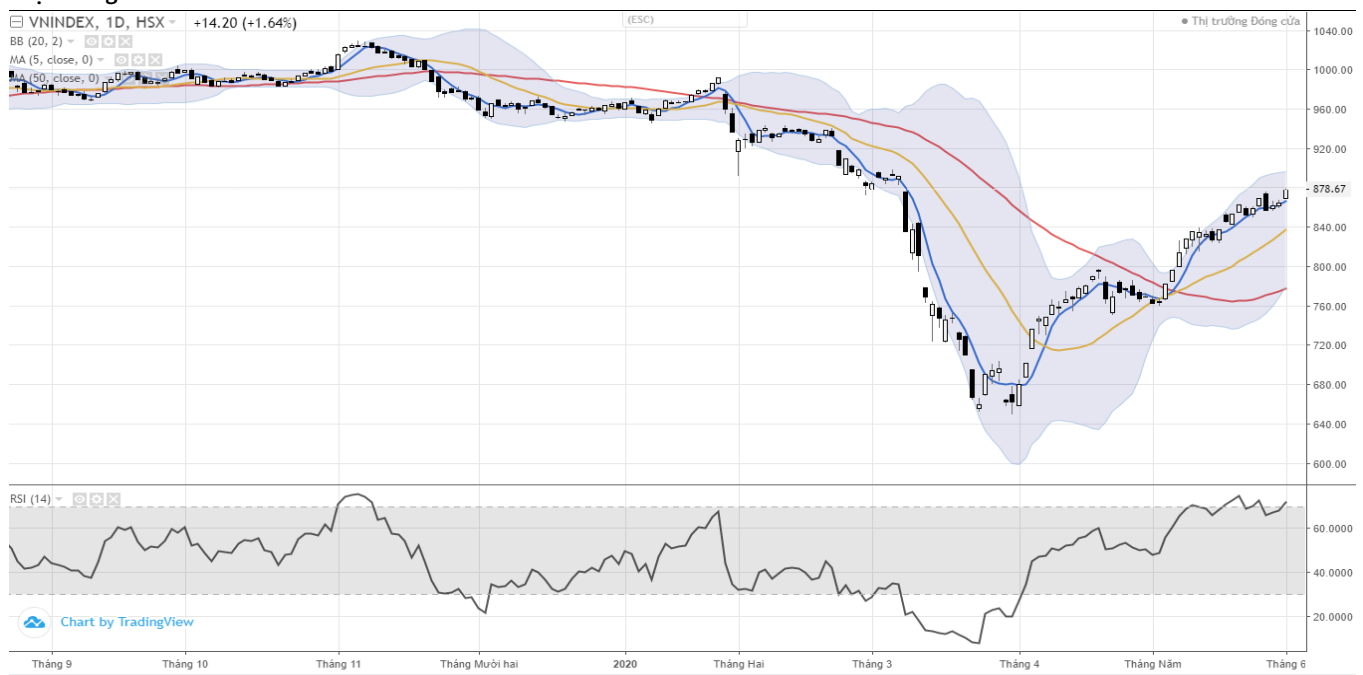
### Mua sắm trực tuyến tiếp tục tăng tốc sau đại dịch

— Nền tảng TMĐT và mua sắm trực tuyến đóng vai trò quan trọng trong việc bù đắp cho doanh số bán lẻ chậm lại trong các kênh truyền thống trong thời gian giãn cách xã hội. Khi người tiêu dùng vẫn còn e ngại và chưa sẵn sàng mua sắm trực tiếp tại cửa hàng, nhiều công ty đã tận dụng để triển khai nhiều dịch vụ mua sắm trực tuyến hơn, như mua thực phẩm trực tuyến, bao gồm cả đồ tươi sống như “Tikington” của *Tiki* hay mô hình “đi chợ thay khách hàng” của công ty *Thế giới Di động*. *Grab* cũng đã kích hoạt một nền tảng mới “GrabMart” để phục vụ nhu cầu mua sắm của khách hàng khi ở nhà. Tầm ảnh hưởng ngày càng tăng của TMĐT nhấn mạnh một lần nữa tầm quan trọng của nền tảng trực tuyến đối với bất kỳ nhà bán lẻ hàng đầu nào của Việt Nam.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

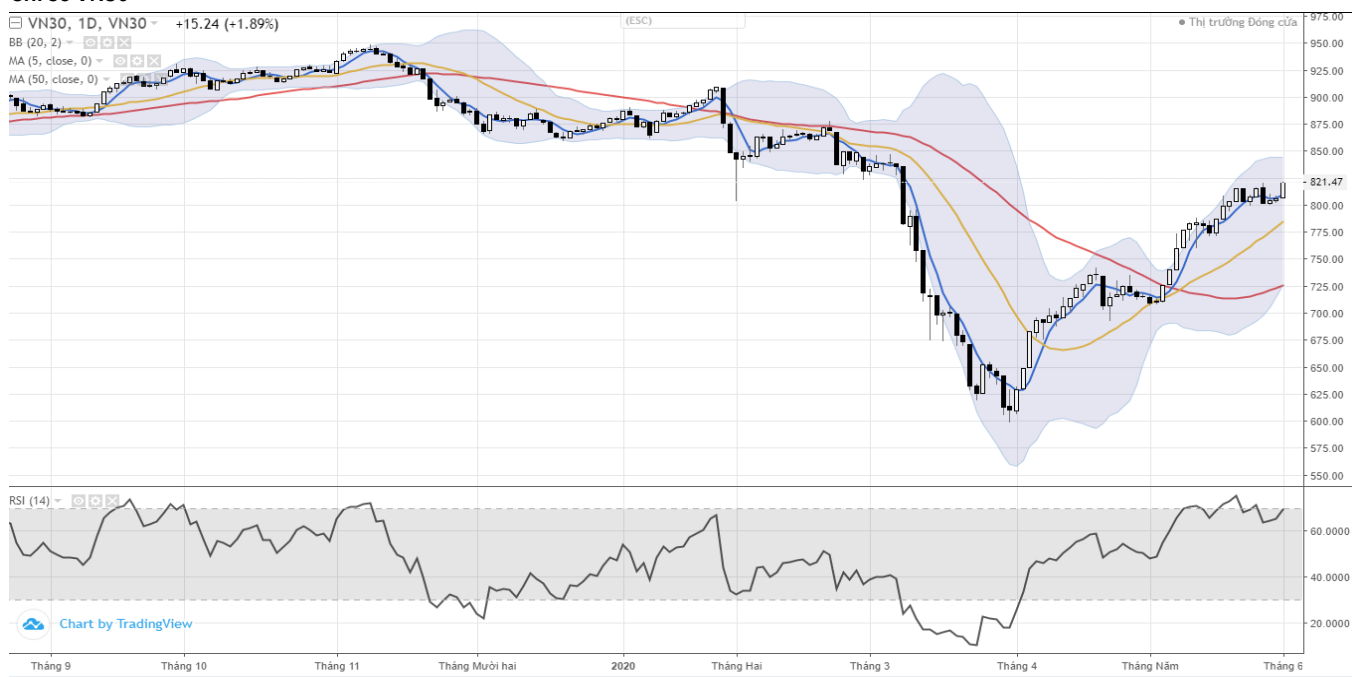
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

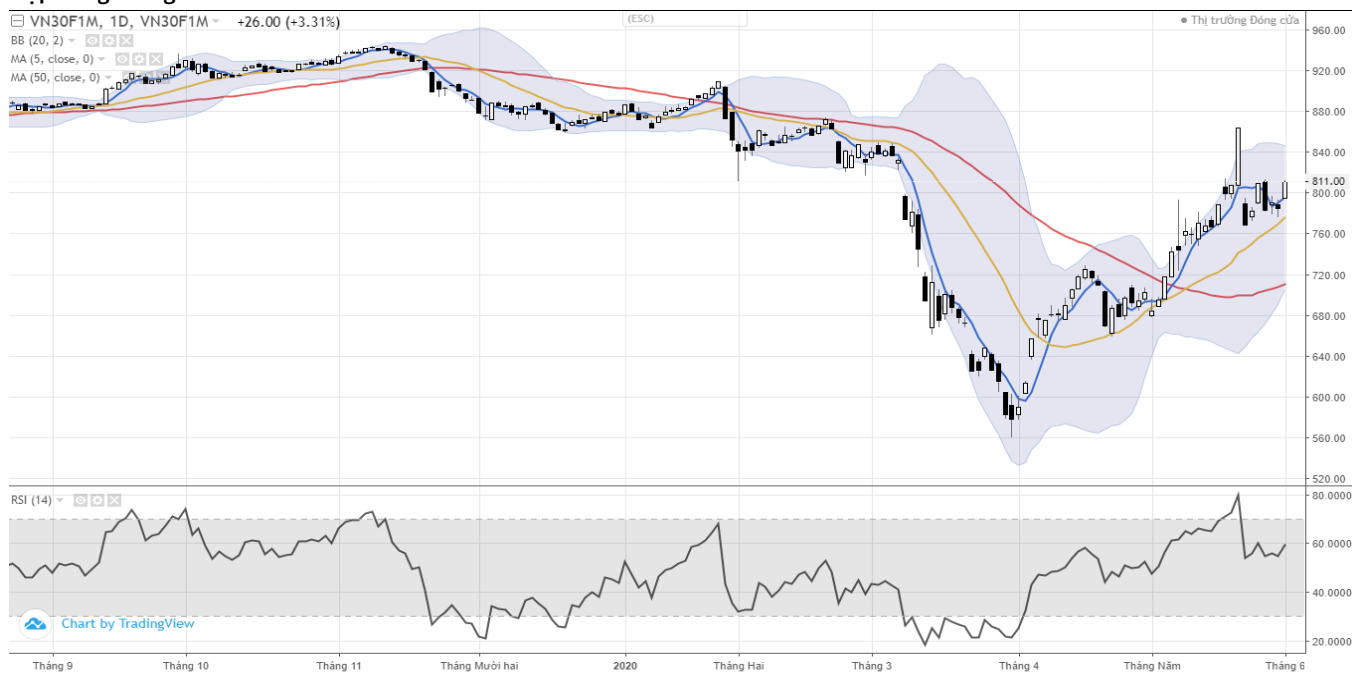
- Sau 2 phiên giằng co, VNIndex đã lấy lại đà tăng và tiếp tục vượt đỉnh ngắn hạn trong phiên hôm nay
- Chúng tôi tiếp tục lưu ý về trạng thái phân kỳ âm của chỉ số động lượng RSI và việc VNIndex sẽ gặp phải lực cản mạnh tại vùng kháng cự 885-890, nơi hội tụ của khá nhiều đáy ngắn hạn trong 2 năm qua, khiến cho xu hướng tăng điểm của chỉ số vẫn tiềm ẩn rủi ro sớm đảo chiều.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi và có thể trải lệnh bán giảm tỷ trọng ngắn hạn khi chỉ số tiến lên vùng kháng cự.

## Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

## Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 cũng ghi nhận diễn biến khởi sắc trong phiên hôm nay với đà tăng được mở rộng về cuối phiên.
- Mặc dù đã chạm vượt vùng đỉnh cũ nhưng chúng tôi cho rằng chỉ số sẽ sớm chịu áp lực đảo chiều khi tiến lên vùng kháng cự mạnh quanh 830, nơi hội tụ của khá nhiều đáy ngắn hạn trong 2 năm qua, trong khi các chỉ báo động lượng đang tạo phân kỳ âm.
- Sau khi thực hiện chốt lời vị thế LONG tại vùng đỉnh cũ, NĐT có thể mở một phần vị thế SHORT ngắn hạn khi VN30 tiến lên vùng kháng cự.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

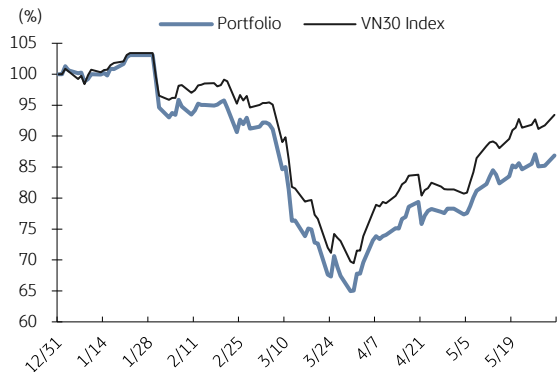
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

|                   | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên  | 1.89%      | 1.99%            |
| Tăng lũy kế (YTD) | -6.55%     | -13.11%          |

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu

| Mã CP                           | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 01/06/2020 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư                                                                                                                                                                                               |
|---------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mobile World (MWG)              | 09/08/2019       | 86,000                  | 1.7%                      | -25.8%               | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD<br>- BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối<br>- Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm     |
| Nam Long Invest (NLG)           | 03/06/2019       | 23,550                  | 1.5%                      | -12.1%               | - NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền<br>- Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp                                                                                   |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ)         | 22/03/2019       | 63,900                  | 1.3%                      | -16.6%               | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao<br>- PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay<br>- Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Military Bank (MBB)             | 18/12/2018       | 17,850                  | 3.8%                      | -9.5%                | - NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC)<br>- Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM<br>- Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn          |
| Refrig Elec Eng (REE)           | 11/10/2018       | 31,700                  | 1.4%                      | -6.8%                | - Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE<br>- Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn                                                                       |
| FPT Corp (FPT)                  | 06/09/2018       | 48,300                  | 0.7%                      | 44.3%                | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh<br>- Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15%<br>- Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020               |
| Vietin Bank (CTG)               | 31/01/2020       | 23,500                  | 4.4%                      | -3.7%                | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019<br>- Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020<br>- Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh                                              |
| Vietjet (VJC)                   | 05/02/2019       | 113,300                 | 0.3%                      | -12.3%               | - Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona<br>- Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu<br>- Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh          |
| Hoa Phat Group (HPG)            | 04/12/2019       | 27,650                  | 0.9%                      | 17.9%                | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại<br>- Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục<br>- Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.                         |
| Kinhbaco City Development (KBC) | 09/03/2020       | 14,600                  | 3.9%                      | 6.6%                 | - Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng<br>- Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA<br>- Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc                       |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã       | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|----------|--------------|-----------------------|-------------------|
| FUESSVFL | 3.2%         | 54.3%                 | 47.4              |
| VNM      | 1.0%         | 58.8%                 | 36.7              |
| VHM      | 3.3%         | 13.8%                 | 24.8              |
| HPG      | 0.9%         | 36.5%                 | 21.9              |
| FUEVFNDD | 0.4%         | 99.6%                 | 17.4              |
| Mã       | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
| VRE      | 1.1%         | 30.8%                 | -32.6             |
| CTI      | 0.0%         | 16.3%                 | -30.2             |
| MSN      | 0.6%         | 39.4%                 | -18.0             |
| HSG      | 1.3%         | 16.2%                 | -17.7             |
| VIC      | 0.2%         | 14.0%                 | -13.6             |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| PLC    | -0.6%        | 0.8%                  | 0.2               |
| PPS    | 2.9%         | 36.0%                 | 0.1               |
| AMV    | 2.4%         | 2.4%                  | 0.1               |
| VCS    | 0.0%         | 2.6%                  | 0.1               |
| PTI    | -1.1%        | 37.6%                 | 0.0               |
| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
| SHB    | 0.7%         | 7.4%                  | -20.8             |
| SHS    | 1.1%         | 8.2%                  | -5.7              |
| PVI    | 0.0%         | 54.4%                 | -0.3              |
| PVX    | 12.5%        | 0.6%                  | -0.1              |
| PVC    | 1.9%         | 11.3%                 | -0.1              |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Ngân hàng                       | 4.4%         | VCB, BID     |
| Dịch vụ tài chính               | 3.7%         | SSI, OGC     |
| Xây dựng và Vật Liệu            | 3.2%         | CTD, HT1     |
| Hóa chất                        | 2.4%         | PHR, CSV     |
| Bất động sản                    | 2.3%         | VHM, VRE     |
| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
| Ô tô và phụ tùng                | -3.7%        | TCH, SVC     |
| Truyền thông                    | -2.3%        | PNC, YEG     |
| Hàng cá nhân & Gia dụng         | -0.4%        | LIX, MSH     |
| Bán lẻ                          | -0.3%        | MWG, COM     |
| Công nghệ thông tin             | -0.2%        | FPT, CMG     |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Tài nguyên Cơ bản               | 28.5%        | HPG, HSG     |
| Ngân hàng                       | 22.0%        | VCB, BID     |
| Dịch vụ tài chính               | 18.5%        | SSI, HCM     |
| Thực phẩm và đồ uống            | 16.4%        | VNM, SAB     |
| Dầu khí                         | 15.7%        | PLX, PVD     |
| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
| Ô tô và phụ tùng                | 1.3%         | CSM, CTF     |
| Du lịch và Giải trí             | 2.5%         | VJC, RIC     |
| Y tế                            | 3.0%         | DBD, VMD     |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp      | 6.6%         | PAN, TMS     |
| Truyền thông                    | 7.1%         | PNC, YEG     |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành                    | Mã  | Tên công ty      | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn) | GTGD (VNĐtriệu, USDmn) | Room còn lại (%,-1đ) | PER (X) |      | EPS CAGR (%) | ROE (%) |      | P/B (X) |     | Biến động (%) |      |      |       |
|--------------------------|-----|------------------|---------|-----------------------------------|------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
|                          |     |                  |         |                                   |                        |                      | 19E     | 20E  |              | 19E     | 20E  | 19E     | 20E | 1D            | 1W   | 1M   | YTD   |
| Bất Động Sản             | VIC | VINGROUP JSC     | 97,200  | 328,772 (14,132)                  | 65,725 (2.8)           | 22.7                 | 45.8    | 26.7 | 28.4         | 8.5     | 12.1 | 3.9     | 3.4 | 0.2           | 0.1  | 5.8  | -15.5 |
|                          | VHM | VINHOMES JSC     | 79,100  | 260,201 (11,184)                  | 216,712 (9.3)          | 35.2                 | 9.7     | 8.5  | 34.7         | 38.7    | 30.8 | 3.2     | 2.3 | 3.3           | 3.0  | 24.4 | -6.7  |
|                          | VRE | VINCOM RETAIL JS | 27,800  | 63,170 (2,715)                    | 116,377 (5.0)          | 18.2                 | 23.8    | 18.6 | 6.3          | 9.6     | 11.1 | 2.2     | 2.0 | 1.1           | 6.1  | 20.3 | -18.2 |
|                          | NVL | NO VA LAND INVES | 55,000  | 53,325 (2,292)                    | 63,182 (2.7)           | 32.4                 | 18.1    | 19.1 | -10.9        | 12.0    | 11.7 | 2.1     | 1.9 | 2.4           | 3.2  | 3.4  | -7.6  |
|                          | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 22,250  | 11,672 (502)                      | 15,854 (0.7)           | 5.1                  | 10.8    | 9.6  | 15.8         | 14.4    | 14.8 | 1.4     | 1.3 | 1.1           | 2.5  | 6.2  | -17.3 |
|                          | DXG | DAT XANH GROUP   | 11,350  | 5,888 (253)                       | 40,347 (1.7)           | 9.0                  | 5.7     | 5.1  | -9.0         | 12.0    | 14.3 | 0.7     | 0.7 | 0.4           | 0.4  | 14.8 | -21.7 |
| Ngân hàng                | VCB | BANK FOR FOREIGN | 86,500  | 320,818 (13,790)                  | 105,387 (4.5)          | 6.3                  | 18.4    | 15.0 | 15.7         | 20.9    | 21.0 | 3.3     | 2.7 | 1.5           | 6.7  | 27.2 | -4.1  |
|                          | BID | BANK FOR INVESTM | 41,450  | 166,713 (7,166)                   | 65,956 (2.8)           | 12.3                 | 26.9    | 19.0 | 0.0          | 10.2    | 12.4 | 2.2     | 2.0 | 3.4           | 4.5  | 16.4 | -10.2 |
|                          | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 21,300  | 74,553 (3,205)                    | 58,140 (2.5)           | 0.0                  | 7.1     | 6.2  | 6.5          | 16.7    | 16.6 | 1.0     | 0.9 | 2.9           | 1.2  | 23.8 | -9.6  |
|                          | CTG | VIETNAM JS COMM  | 23,500  | 87,500 (3,761)                    | 155,458 (6.7)          | 0.4                  | 13.1    | 9.7  | 16.4         | 10.0    | 12.0 | 1.1     | 1.0 | 4.4           | 2.0  | 17.5 | 12.4  |
|                          | VPB | VIETNAM PROSPERI | 24,550  | 59,847 (2,572)                    | 148,250 (6.4)          | 0.0                  | 7.5     | 6.2  | 3.4          | 17.3    | 17.0 | 1.2     | 1.0 | 5.1           | 2.3  | 19.8 | 22.8  |
|                          | MBB | MILITARY COMMERC | 17,850  | 43,044 (1,850)                    | 132,880 (5.7)          | 0.0                  | 5.5     | 4.6  | 10.1         | 18.8    | 19.1 | 0.9     | 0.8 | 3.8           | 3.2  | 11.9 | -14.2 |
|                          | HDB | HDBANK           | 24,950  | 24,100 (1,036)                    | 24,728 (1.1)           | 8.9                  | 7.1     | 5.7  | 10.2         | 19.9    | 20.7 | 1.0     | 0.9 | 3.1           | 3.5  | 20.8 | -9.4  |
|                          | STB | SACOMBANK        | 10,750  | 19,389 (833)                      | 123,159 (5.3)          | 14.6                 | 8.8     | 6.9  | 31.8         | 8.8     | 10.0 | 0.7     | 0.6 | 4.4           | 4.9  | 18.1 | 7.0   |
|                          | TPB | TIEN PHONG COMME | 21,300  | 17,393 (748)                      | 3,882 (0.2)            | 0.0                  | 4.6     | 4.3  | 44.5         | 25.7    | 21.6 | 1.1     | -   | 3.1           | 1.4  | 22.4 | 1.2   |
|                          | EIB | VIETNAM EXPORT-I | 17,450  | 21,454 (922)                      | 7,348 (0.3)            | 0.0                  | 37.5    | 36.0 | -6.9         | 3.6     | 3.6  | 1.3     | 1.3 | 0.9           | 3.3  | 16.3 | -2.0  |
| Bảo hiểm                 | BVH | BAO VIET HOLDING | 50,700  | 37,636 (1,618)                    | 49,337 (2.1)           | 20.6                 | 36.2    | 27.3 | -5.4         | 6.1     | 9.0  | 1.9     | 1.8 | 1.5           | 2.4  | 9.7  | -26.1 |
|                          | BMI | BAOMINH INSURANC | 21,800  | 1,992 (086)                       | 5,969 (0.3)            | 13.2                 | -       | -    | -            | 6.8     | 8.6  | 0.9     | 0.9 | 0.2           | 1.9  | -3.5 | -12.1 |
| Chứng khoán              | SSI | SSI SECURITIES C | 15,200  | 9,134 (393)                       | 67,264 (2.9)           | 49.6                 | 10.7    | 8.4  | -17.7        | 8.9     | 10.7 | 0.9     | 0.8 | 2.7           | 4.5  | 16.9 | -2.3  |
|                          | VCI | VIET CAPITAL SEC | 23,550  | 3,869 (166)                       | 16,984 (0.7)           | 70.7                 | 8.4     | 6.5  | -24.9        | 10.9    | 12.8 | 0.9     | 0.8 | 3.3           | 0.6  | 33.8 | -20.2 |
|                          | HCM | HO CHI MINH CITY | 19,500  | 5,953 (256)                       | 46,475 (2.0)           | 46.5                 | 13.3    | 8.3  | -22.5        | 10.1    | 15.7 | 1.3     | 1.2 | 3.7           | 2.6  | 18.2 | -8.7  |
|                          | VND | VNDIRECT SECURIT | 13,000  | 2,711 (117)                       | 10,667 (0.5)           | 13.2                 | 11.7    | 7.3  | -19.1        | 7.1     | 10.7 | 0.8     | 0.8 | 2.0           | 2.8  | 18.7 | -9.7  |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 116,100 | 202,174 (8,690)                   | 169,967 (7.3)          | 41.2                 | 20.4    | 19.0 | 4.4          | 37.8    | 39.2 | 6.7     | 6.1 | 1.0           | -1.3 | 17.3 | -0.3  |
|                          | SAB | SAIGON BEER ALCO | 177,700 | 113,956 (4,898)                   | 16,955 (0.7)           | 36.7                 | 28.0    | 23.3 | 1.2          | 21.6    | 24.2 | 5.6     | 5.0 | 0.7           | 1.5  | 9.0  | -22.1 |
|                          | MSN | MASAN GROUP CORP | 63,100  | 73,761 (3,170)                    | 86,876 (3.7)           | 9.7                  | 43.8    | 27.5 | -46.8        | 5.2     | 6.2  | 1.7     | 1.6 | 0.6           | 2.1  | 7.3  | 11.7  |
|                          | HNG | HOANG ANH GIA LA | 15,950  | 17,681 (760)                      | 12,901 (0.6)           | 48.7                 | -       | -    | -            | -       | -    | -       | -   | 3.9           | 11.1 | 23.6 | 14.7  |
| Công nghiệp (vận tải)    | VJC | VIETJET AVIATION | 113,300 | 59,351 (2,551)                    | 51,640 (2.2)           | 11.5                 | 24.4    | 11.8 | -31.3        | 14.3    | 27.0 | 3.4     | 3.1 | 0.3           | 0.2  | -1.9 | -22.5 |
|                          | GMD | GEMADEPT CORP    | 19,700  | 5,849 (251)                       | 7,665 (0.3)            | 0.0                  | 15.6    | 13.1 | -54.8        | 6.9     | 8.0  | 1.0     | 1.0 | 0.5           | 1.5  | 5.9  | -15.5 |
|                          | CII | HO CHI MINH CITY | 19,400  | 4,633 (199)                       | 22,428 (1.0)           | 25.9                 | 13.6    | 14.5 | 105.5        | 7.7     | 7.0  | 1.0     | 1.0 | 0.5           | -2.0 | -2.3 | -13.8 |
| Công nghiệp (Tư bản)     | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,400   | 1,930 (083)                       | 46,463 (2.0)           | 46.5                 | -       | -    | -            | -       | -    | -       | -   | -2.9          | -1.2 | -9.6 | -80.3 |
|                          | GEX | VIETNAM ELECTRIC | 17,550  | 8,248 (355)                       | 53,600 (2.3)           | 33.9                 | 11.3    | 8.8  | -16.2        | 11.7    | 13.9 | 1.2     | 1.2 | 0.6           | -1.7 | 12.9 | -9.3  |
|                          | CTD | COTECCONS CONSTR | 77,300  | 5,897 (253)                       | 26,483 (1.1)           | 2.4                  | 10.5    | 10.4 | -39.4        | 6.4     | 6.8  | 0.7     | 0.7 | 1.7           | 13.7 | 23.3 | 50.7  |
|                          | REE | REE              | 31,700  | 9,829 (422)                       | 19,257 (0.8)           | 0.0                  | 6.2     | 5.4  | -5.9         | 14.1    | 14.5 | 0.9     | 0.8 | 1.4           | 1.6  | 5.7  | -12.7 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành                          | Mã  | Tên công ty      | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn) | GTGD (VNĐ tỷ, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | PER (X) |      | EPS CAGR (%) | ROE (%) |      | P/B (X) |     | Biến động (%) |      |      |       |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|------------------------------------|----------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
|                                |     |                  |         |                                    |                      |                      | 19E     | 20E  |              | 19E     | 20E  | 19E     | 20E | 1D            | 1W   | 1M   | YTD   |
| Tiền ích                       | GAS | PETROVIETNAM GAS | 75,300  | 144,120 (6,195)                    | 62,945 (2.7)         | 45.7                 | 17.3    | 14.9 | -15.7        | 16.0    | 19.3 | 2.9     | 2.8 | 1.2           | 2.2  | 18.8 | -19.6 |
|                                | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 21,400  | 6,161 (265)                        | 8,740 (0.4)          | 31.1                 | 8.7     | 8.2  | -2.9         | 16.9    | 18.4 | 1.4     | 1.4 | 1.4           | 1.9  | 4.1  | -1.2  |
|                                | PPC | PHA LAI THERMAL  | 24,500  | 7,855 (338)                        | 4,164 (0.2)          | 32.6                 | 8.0     | 8.8  | -8.3         | 16.3    | 14.8 | 1.3     | 1.3 | 1.7           | 0.0  | -1.6 | -8.9  |
| Nguyên vật liệu                | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 27,650  | 76,344 (3,281)                     | 287,499 (12.3)       | 12.5                 | 9.1     | 7.1  | -2.9         | 17.1    | 18.5 | 1.4     | 1.2 | 0.9           | 1.3  | 28.6 | 17.7  |
|                                | DPM | PETROVIETNAM FER | 15,050  | 5,890 (253)                        | 47,147 (2.0)         | 36.7                 | 10.7    | 10.0 | -4.9         | 7.9     | 7.8  | 0.7     | 0.7 | 1.7           | -1.6 | 5.2  | 16.2  |
|                                | DCM | PETRO CA MAU FER | 8,510   | 4,505 (194)                        | 15,065 (0.6)         | 47.1                 | 10.5    | 23.2 | -14.7        | 7.8     | 3.5  | 0.7     | 0.7 | 0.2           | -4.3 | 0.6  | 30.9  |
|                                | HSG | HOA SEN GROUP    | 10,100  | 4,488 (193)                        | 100,762 (4.3)        | 32.9                 | 9.8     | 8.1  | 8.1          | 8.0     | 8.8  | 0.7     | 0.6 | 1.3           | 3.2  | 37.4 | 35.8  |
|                                | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,650  | 2,166 (093)                        | 28,009 (1.2)         | 36.3                 | 5.5     | 9.3  | 51.8         | 14.8    | 9.0  | 0.7     | 0.5 | 1.6           | 1.2  | 2.4  | -0.4  |
| Năng lượng                     | PLX | VIETNAM NATIONAL | 46,300  | 55,135 (2,370)                     | 49,007 (2.1)         | 6.7                  | 21.3    | 16.0 | -11.4        | 13.0    | 17.2 | 2.6     | 2.3 | 0.3           | -0.1 | 14.9 | -17.3 |
|                                | PVD | PETROVIETNAM DRI | 10,900  | 4,590 (197)                        | 66,245 (2.8)         | 36.5                 | 31.2    | 23.2 | -1.5         | 1.2     | 1.0  | 0.3     | 0.3 | 2.8           | -0.5 | 19.1 | -27.6 |
|                                | PVT | PETROVIET TRANSP | 10,950  | 3,082 (132)                        | 19,238 (0.8)         | 24.2                 | 6.6     | 5.8  | -17.0        | 10.3    | 11.2 | 0.6     | 0.6 | 0.9           | 3.3  | 11.4 | -34.8 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 86,000  | 38,942 (1,674)                     | 108,930 (4.7)        | 0.0                  | 9.6     | 7.7  | 15.9         | 29.9    | 30.7 | 2.5     | 1.9 | 1.7           | -0.1 | 5.3  | -24.6 |
|                                | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 63,900  | 14,390 (619)                       | 64,213 (2.8)         | 0.0                  | 15.5    | 12.6 | 1.0          | 21.2    | 22.5 | 2.8     | 2.4 | 1.3           | -0.2 | 12.3 | -25.7 |
|                                | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 58,500  | 1,726 (074)                        | 2,212 (0.1)          | 69.3                 | 24.6    | 17.9 | -28.1        | 6.7     | 8.5  | 1.6     | 1.5 | 0.5           | -2.3 | 3.0  | 58.1  |
|                                | FRT | FPT DIGITAL RETA | 26,500  | 2,093 (090)                        | 29,099 (1.2)         | 13.2                 | 13.9    | 12.8 | -33.4        | 11.5    | 11.4 | 1.4     | 1.3 | 1.1           | -0.9 | 24.7 | 25.9  |
|                                | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 53,000  | 7,181 (309)                        | 84,113 (3.6)         | 39.3                 | 6.7     | 6.5  | 30.3         | 38.0    | 32.7 | 2.3     | 2.0 | 4.1           | 8.9  | 17.3 | 38.7  |
| Chăm sóc sức khỏe              | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 92,800  | 12,133 (522)                       | 2,226 (0.1)          | 45.6                 | 18.9    | 17.4 | 4.4          | 19.6    | 19.3 | 3.4     | 3.2 | 0.5           | -0.3 | -0.5 | 1.4   |
|                                | PME | PYMEPHARCO JSC   | 59,000  | 4,426 (190)                        | 1,462 (0.1)          | 37.9                 | -       | -    | -            | -       | -    | -       | -   | 0.0           | -1.2 | -4.4 | 8.7   |
| IT                             | FPT | FPT CORP         | 48,300  | 37,863 (1,627)                     | 111,990 (4.8)        | 0.0                  | 11.1    | 9.6  | 18.0         | 24.1    | 25.2 | 2.4     | 2.1 | 0.7           | -0.3 | 9.3  | -4.7  |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KHOỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM**

---

**Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình**  
binhnx@kbsec.com.vn

**Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường**

**Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh**  
anhtd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh**  
trinhhtt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng**  
tungla@kbsec.com.vn

**Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu**  
hieudd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng**  
tungna@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga**  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công**  
conglgt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền**  
huyenntt@kbsec.com.vn

**Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim**  
harrison.kim@kbfg.com

**Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung**  
dungdpp@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh**  
danhnt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh**  
vinhn@kbsec.com.vn

**Bộ phận Marketing Research**

**Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin**  
shin.sy@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua:              | Nắm giữ:                  | Bán:               |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan:                | Trung lập:         | Kém khả quan:      |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.